

Bản án số: 316/2022/DS-ST

Ngày: **31-8-2022**

V/v tranh chấp hợp đồng dân sự

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đức Tĩnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đinh Tình Thanh Phước**

2. Bà **Đặng Thị Ngọc Bích**

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Hải Đăng- Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Anh Minh**- Kiểm sát viên.

Ngày **31** tháng **8** năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2022 về việc: “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **4202/2022/QĐXXST-DS** ngày 11 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: **5157/2022/QĐST-DS** ngày **09** tháng **8** năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Nguyễn Thanh T, sinh năm 1994

Địa chỉ: X Chung cư HP, Lô 11E đường Nguyễn Văn Linh, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Ngọc N, sinh năm 1954

Địa chỉ: Số X đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại Đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 12 năm 2021, trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn- Bà Trần Nguyễn Thanh T trình bày:*

Ngày 18/12/2020, bà và bà Trần Thị Ngọc N có giao kết hợp đồng dịch vụ. Theo đó, bà N sẽ đại diện cho bà khởi kiện Công ty TNHH TK Group về tranh chấp hợp đồng hứa thưởng tại Tòa án nhân dân Quận 9 (nay là Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức) yêu cầu trả 4.900.000.000 đồng. Việc giao kết hợp đồng dịch vụ giữa các bên không lập thành văn bản, các bên thỏa thuận bằng lời nói, tin nhắn zalo và giấy nhận tiền đóng tạm ứng án phí..., giá trị hợp đồng là khi hoàn thành vụ kiện bà T hứa trả cho bà N 10% (khoảng 490.000.000 đồng) giá trị tranh chấp nếu được Tòa án chấp nhận.

Trong ngày 18/12/2020, bà N có nhận của bà 70.000.000 đ (Bảy mươi triệu đồng) để đóng tạm ứng án phí (Có giấy viết tay nhận tiền của bà N, do bà N viết và ký tên). Bà N không yêu cầu bà T làm văn bản ủy quyền tham gia tố tụng cho bà N.

Ngày 29/12/2020, bà N tiếp tục đề nghị bà đưa thêm số tiền 45.000.000 đ (Bốn mươi lăm triệu đồng) để đóng đủ tạm ứng án phí và hẹn 15 ngày sau sẽ có thông báo thụ lý của Tòa án. Việc nhận tiền được bà N xác nhận trực tiếp vào giấy viết tay nhận tiền ngày 18/12/2020 mà bà N đã ghi cho bà khi nhận từ bà 70.000.000 đồng.

Sau 15 ngày, bà T vẫn không nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án. Bà N trả lời, do Tòa đang xác minh thông tin và Tòa án nhân dân Quận 9 đang sắp nhập nên kêu bà T đợi thêm một thời gian nữa.

Ngày 25/3/2021, qua đường bưu điện, bà T nhận được Giấy mời đề ngày 19/3/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức mời bà T lúc 08 giờ 30 phút ngày 30/3/2021 đến để bổ sung đơn khởi kiện. Bà T có gọi điện thông báo cho bà N biết, thì bà N kêu bà T đem thư mời qua nhà bà N, để bà N lên Tòa làm việc. Bà T đã đưa cho bà N bản gốc thư mời cùng ngày.

Ngày 16/5 2021, qua đường Bưu điện, bà T nhận được Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện số 1898/TB-TATPTĐ đề ngày 20/4/2021. Sáng ngày 17/5/2021, theo yêu cầu của bà N, bà T có đến nhà bà N để đưa Thông báo trên cho bà N để bà N liên hệ làm việc với Tòa án.

Sau đó, Thành phố Hồ Chí Minh có dịch Covid-19, nên bà N bảo bà T phải chờ qua dịch thì Tòa án mới làm việc lại.

Sau nhiều lần liên hệ và hỏi về biên nhận tiền tạm ứng án phí, bà N hứa vài ngày có nhưng đến nay vẫn chưa cung cấp được cho bà T.

Ngày 01/12/2021, bà T liên hệ trực tiếp với Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức thì được Văn phòng Tòa án trả lời là vụ kiện của bà T đã đóng từ lâu, do Tòa mời 2 lần mà đương sự không đến. Bà T có nhờ Văn phòng Tòa án kiểm tra, thì được biết vụ tranh chấp của bà chưa nộp tiền tạm ứng án phí. Cán bộ Văn phòng Tòa án có cho bà T xem và chụp Thông báo trả lại đơn khởi kiện số 3584/2021/TB-TA đề ngày 22/6/2021.

Nhận thấy, bà N không thực hiện được thỏa thuận dẫn đến việc khởi kiện của bà T bị Tòa án trả lại đơn là vi phạm nghiêm trọng thỏa thuận.

Từ ngày 01/12/2022, bà T đã nhiều lần yêu cầu bà N trả lại tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nhận của bà T cả hai đợt là 115.000.000 đồng và chấm dứt hợp đồng dịch vụ giữa bà T và bà N về việc đại diện khởi kiện Công ty TNHH TK Group. Tuy vậy, đến nay bà N vẫn chưa trả lại số tiền 115.000.000 đồng cho bà T.

Bà T yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 1 giải quyết các yêu cầu sau:

+ Tuyên bố Hợp đồng dịch vụ giữa bà T và bà N về việc đại diện khởi kiện Công ty TNHH TK Group chấm dứt;

+ Về số tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nhận của bà T do bà N chưa nộp cho Tòa án nên bà T yêu cầu bà N trả lại đầy đủ 115.000.000 đồng cho bà T, trả một lần Ny sau khi có bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực.

** Tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 18/8/2022, bà Trần Nguyễn Thanh T trình bày:*

Về số tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nhận của bà, do bà N chưa nộp cho Tòa án nên bà yêu cầu bà N trả lại đầy đủ 115.000.000 đồng cho bà, trả một lần Ny sau khi có bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Đối với yêu cầu: Tuyên bố chấm dứt Hợp đồng dịch vụ giữa bà và bà N về việc đại diện khởi kiện Công ty TNHH TK Group, bà xin rút lại yêu cầu này vì thực tế bà và bà N chưa ký hợp đồng dịch vụ pháp lý nào bằng văn bản, chưa thỏa thuận về quyền, nghĩa vụ cụ thể giữa các bên. Tức là bà chỉ yêu cầu bà N trả Ngay cho bà số tiền 115.000.000 đồng.

** Đối với Bị đơn- Bà Trần Thị Ngọc N:*

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định pháp luật: Tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; giấy triệu tập về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; **thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ**; quyết định đưa vụ án ra xét xử; giấy triệu tập xét xử; quyết định hoãn phiên tòa... nhưng bà N không có văn bản phản hồi ý kiến, không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

Việc chấp hành pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra

việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử...được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận **một phần** yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. **Đình chỉ xét xử** đối với phần yêu cầu Nguyên đơn đã rút.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

Bà Trần Nguyễn Thanh T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị Ngọc N hoàn trả số tiền 115.000.000 đồng. Bà N là Bị đơn cư trú tại Quận 1 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào **khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228** của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Nguyên đơn.

Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Bị đơn.

[2] Về pháp luật nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của Nguyên đơn về việc yêu cầu Bị đơn hoàn trả số tiền 115.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 18/12/2020, bà T và bà N có thỏa thuận thể hiện thông qua các tin nhắn zalo, theo đó bà N sẽ thay bà T thực hiện công việc khởi kiện về tranh chấp hợp đồng hứa thưởng tại Tòa án nhân dân Quận 9 (nay là Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức) đề đòi số tiền 4.900.000.000 đồng cho bà T.

Ngày 18/12/2020, bà N có nhận của bà T 70.000.000 đ (Bảy mươi triệu đồng) và ngày 29/12/2020, bà N nhận thêm số tiền 45.000.000 đ (Bốn mươi lăm triệu đồng) để đóng tiền tạm ứng án phí thay cho bà T nhưng bà N không thực hiện.

Xét thấy việc bà N có nhận của bà T tổng số tiền 115.000.000 đồng **nhưng chưa hoàn trả** là có thật nên cần buộc bà N phải trả Nợ số tiền trên cho bà T, trả

một lần Ný khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[2.2] Xét yêu cầu của Nguyên đơn về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc “Tuyên bố chấm dứt Hợp đồng dịch vụ giữa bà T và bà N về việc đại diện khởi kiện Công ty TNHH Thiên Kim Group”.

Xét thấy, đến nay giữa bà T và bà N chưa ký hợp đồng dịch vụ pháp lý bằng văn bản để quy định cụ thể về quyền, nghĩa vụ giữa các bên. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Trong vụ án này, bà N không có yêu cầu phản tố, không cung cấp tài liệu, chứng cứ nên Tòa án chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của Nguyên đơn và những tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Viện Kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; **khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228**; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b, Điều 9, Điều 26 và Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ vào khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn- Bà Trần Nguyễn Thanh T.

Buộc bà Trần Thị Ngọc N phải trả Ngay cho bà Trần Nguyễn Thanh T số tiền 115.000.000 đ (Một trăm mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tuyên bố chấm dứt Hợp đồng dịch vụ giữa bà Trần Nguyễn Thanh T và bà Trần Thị Ngọc N về việc đại diện khởi kiện Công ty TNHH Thiên Kim Group.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Ngọc N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 5.750.000 đ (Năm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà T số tiền 3.175.000 đ (Ba triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005476, AA/2021/0005477 ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện Kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.1;
- CCTHADS Q.1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Tình